

Bản án số: **40/2020/DS-ST**

Ngày: 23/9/2020

V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Nguyễn Thúy Luân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/20120/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*\*/ Nguyên đơn:* ông Phan Hữu Đ; Địa chỉ: thôn ĐS, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Có mặt)

*\*/ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Võ Cao T – Luật sư Công ty luật T, Đoàn Luật sư tỉnh Đắc Nông (Có mặt).

*\*/ Bị đơn:* ông Nguyễn Đình T; Địa chỉ: thôn ĐT, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Phan Hữu Đ cũng như lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Cao T trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 04/10/2018 ông Phan Hữu Đ cho ông Nguyễn Đình T vay số tiền là 450.000.000 đồng, 02 bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 01/7/2019. Lãi suất cho vay là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Khi vay thì ông Nguyễn Đình T có thể chấp cho ông Phan Hữu Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 835958 tại thửa đất số 06,01,02 tờ bản đồ số 50 có diện tích 93509m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 23/9/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Đình T. Từ lúc vay đến nay thì ông

Nguyễn Đình T đã trả tiền lãi cho ông Phan Hữu Đ là 50.500.000 đồng (cụ thể ngày 04/11/2018 ông Nguyễn Đình T trả tiền lãi 20.500.000 đồng; ngày 30/12/2018 âm lịch (tức là ngày 04/02/2019 dương lịch) trả tiền lãi 15.000.000 đồng; ngày 25/3/2019 trả tiền lãi 15.000.000 đồng. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán tiền gốc thì ông Nguyễn Đình T không trả nợ như cam kết. Nay ông Phan Hữu Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình T phải trả lại tổng số tiền 617.989.141 đồng trong đó tiền gốc là 409.500.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử là 208.489.141 đồng và tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

**2. Bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình T thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 04/10/2018 là của ông Nguyễn Đình T, tuy nhiên số tiền 450.000.000 đồng là việc góp vốn làm ăn chung giữa ông Nguyễn Đình T với ông Phan Hữu Đ chứ ông không có vay số tiền 450.000.000 đồng của ông Phan Hữu Đ. (Việc góp vốn làm ăn chung thì không có hợp đồng cũng như giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng với nhau). Đối với số tiền 450.000.000 đồng làm ăn chung thì ông Nguyễn Đình T đã cho người khác vay lại nhưng không thu hồi lại được, từ lúc góp vốn làm ăn đến nay thì ông Nguyễn Đình T đã đưa số tiền lãi cho ông Phan Hữu Đ là 04 lần, mỗi lần là hơn 20.000.000 đồng (Tổng cộng 80.000.000 đồng). Khi trả tiền lãi thì 02 bên không có giấy tờ gì và ông Nguyễn Đình T không nhớ thời gian cụ thể đưa tiền cho ông Phan Hữu Đ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu Đ thì ông không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Võ Cao T cũng như ông Phan Hữu Đ yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải trả số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền lãi đã nhận là 50.500.000 đồng đối với từng mốc thời gian đã nhận từ ông Nguyễn Đình T với lãi suất 10,8%/năm và yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc còn lại từ ngày 26/3/2019 cho đến ngày 01/7/2019 là 10,8%/năm, từ ngày 02/7/2019 đến ngày xét xử yêu cầu tính lãi suất là 150% mức lãi suất 10,8%.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Hữu Đ. Buộc ông Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Hữu Đ số tiền 517.696.278 đồng (*Năm trăm mười bảy triệu sáu trăm chín mươi*

sáu nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng); trong đó tiền gốc là 421.811.189 đồng (Bốn trăm hai mươi một triệu tám trăm mười một nghìn một trăm tám mươi chín đồng); tiền lãi trong hạn 12.231.281 đồng (Mười hai triệu hai trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi một đồng); tiền lãi quá hạn 83.653,808 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn tám trăm lẻ tám đồng). Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Phan Hữu Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải trả số tiền 450.000.000 đồng vay ngày 04/10/2018, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 04/10/2018, ông Nguyễn Đình T vay số tiền 450.000.000 đồng của ông Phan Hữu Đ với thời hạn trả nợ vào ngày 01/7/2019. Ngày 05/5/2020, ông Phan Hữu Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Đình T có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐT, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Bị đơn ông Nguyễn Đình T hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Phan Hữu Đ và ông Nguyễn Đình T là giấy viết tay ngày 04/10/2018 được hai bên thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 91 của BLTTDS, Tòa án công nhận hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Đình T và ông Phan Hữu Đ là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

[2.2] Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa ông Phan Hữu Đ và ông Nguyễn Đình T thì ông Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ trả tiền đã vay cho ông Phan Hữu Đ vào ngày 01/7/2019. Việc ông Nguyễn Đình T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự đó là: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...*”.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền gốc và lãi suất của nguyên đơn: Ông Phan Hữu Đ yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải trả số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đình T thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 04/10/2018 là của ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Đình T có nhận số tiền 450.000.000 đồng của ông Phan Hữu Đ. Tuy nhiên ông Nguyễn Đình T cho rằng số tiền 450.000.000 đồng là tiền góp vốn làm ăn chung giữa ông Nguyễn Đình T với ông Phan Hữu Đ. Trong quá trình vay mượn thì ông Phan Hữu Đ thừa nhận đã nhận số tiền lãi của ông Nguyễn Đình T cụ thể như sau (ngày 04/11/2018 nhận số tiền lãi 20.500.000 đồng; Ngày 04/02/2019 nhận số tiền lãi 15.000.000 đồng; ngày 25/3/2019 nhận số tiền lãi 15.000.000 đồng, tổng cộng là 50.500.000 đồng); HĐXX, xét thấy việc ông Nguyễn Đình T trả lãi cho ông Phan Hữu Đ là có thật, tuy nhiên mức lãi suất 02 bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền là quá cao so với quy định của pháp luật. Chính vì vậy cần phải khấu trừ số tiền lãi dư ra mà ông Phan Hữu Đ đã nhận trước đó vào số tiền nợ gốc theo từng mốc thời gian của khoản vay thì mới phù hợp và đúng theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Như vậy ông Nguyễn Đình T phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất 10,8%/năm từ ngày 04/11/2018 đến 01/7/2019 và với mức lãi suất 16,2%/năm từ ngày 02/7/2019 đến ngày 23/9/2020, cụ thể:

- Kể từ ngày 04/10/2018 đến ngày 04/11/2018 là 32 ngày:  $450.000.000 \text{ đồng} \times 10,8\%/\text{năm} \times 32 \text{ ngày} = 4.260.800 \text{ đồng}$ ; ông Nguyễn Đình T đã trả số tiền lãi là 20.500.000 đồng do đó cần khấu trừ số tiền lãi còn dư là 16.239.200 đồng vào khoản nợ gốc 450.000.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 04/11/2018 ông Nguyễn Đình T còn nợ số tiền gốc là 433.760.800 đồng.

- Kể từ ngày 05/11/2018 đến ngày 04/02/2019 là 92 ngày:  $433.760.800 \text{ đồng} \times 10,8\%/\text{năm} \times 92 \text{ ngày} = 11.807.740 \text{ đồng}$ ; ông Nguyễn Đình T đã trả số tiền lãi là 15.000.000 đồng do đó cần khấu trừ số tiền lãi còn dư 3.192.260 đồng vào khoản nợ gốc 433.760.800 đồng. Như vậy tính đến ngày 04/02/2019 ông Nguyễn Đình T còn nợ số tiền gốc là 430.568.540 đồng.

- Kể từ ngày 05/02/2019 đến ngày 25/3/2019 là 49 ngày:  $430.568.540 \text{ đồng} \times 10,8\%/\text{năm} \times 49 \text{ ngày} = 6.242.649 \text{ đồng}$ ; ông Nguyễn Đình T đã trả số tiền lãi là 15.000.000 đồng do đó cần khấu trừ số tiền lãi còn dư 8.757.351 đồng vào khoản nợ gốc 430.568.540 đồng. Như vậy tính đến ngày 25/3/2019 ông Nguyễn Đình T còn nợ số tiền gốc là 421.811.189 đồng.

Tại phiên tòa ông Phan Hữu Đ yêu cầu tính lãi suất 10,8%/năm trong thời hạn vay và 16,2%/năm trong thời gian quá hạn cụ thể:

- Kể từ ngày 26/3/2019 đến ngày 01/7/2019 là 98 ngày:  $421.811.189 \text{ đồng} \times 10,8\%/\text{năm} \times 98 \text{ ngày} = 12.231.281 \text{ đồng}$ ;

- Kể từ ngày 02/7/2019 đến ngày xét xử 23/9/2020 là 01 năm 02 tháng 21 ngày:  $421.811.189 \text{ đồng} \times 16,2\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 83.653.808 \text{ đồng}$ ;

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn và cần buộc bị đơn ông Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Hữu Đ số tiền 517.696.278 đồng; trong đó tiền gốc là 421.811.189 đồng; tiền lãi trong hạn 12.231.281 đồng; lãi quá hạn 83.653.808 đồng.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đình T cho rằng số tiền 450.000.000 đồng là tiền góp vốn làm ăn chung giữa ông Nguyễn Đình T và ông Phan Hữu Đ, trong quá trình làm ăn chung thì ông Nguyễn Đình T đã đưa cho ông Phan Hữu Đ số tiền lãi là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên ông Nguyễn Đình T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ nên ông Nguyễn Đình T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên HĐXX không chấp nhận.

[2.5] Do việc vay mượn của ông Nguyễn Đình T sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan gì đến bà Phạm Thị Kim T, ông Phan Hữu Đ cũng không yêu cầu bà Phạm Thị Kim T phải liên đới trả nợ nên không có căn cứ buộc bà Phạm Thị Kim T phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 517.696.278 đồng cho ông Phan Hữu Đ.

[2.6] Đối với việc khi ông Nguyễn Đình T vay tiền của ông Phan Hữu Đ có thể chấp cho ông Phan Hữu Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 835958 tại thửa đất số 06,01,02 tờ bản đồ số 50 có diện tích 93509m<sup>2</sup> do ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 23/9/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Đình T. Vì ông Phan Hữu Đ không có giấy phép để được cầm cố tài sản nên ông Nguyễn Đình T có thể yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết theo thẩm quyền buộc người chiếm giữ bất hợp pháp giấy tờ nêu trên phải trả lại cho ông Nguyễn Đình T. Trong trường hợp giấy tờ bị mất thì ông Nguyễn Đình T có quyền đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi trong việc làm mất giấy tờ phải chịu toàn bộ chi phí, lệ phí trong việc cấp lại giấy tờ mới.

[3] Về án phí: bị đơn ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn ông Phan Hữu Đ theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hữu Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Đình T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc ông Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Hữu Đ số tiền 517.696.278 đồng (*Năm trăm mười bảy triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó tiền gốc là 421.811.189 đồng (*Bốn trăm hai mươi một triệu tám trăm mười một nghìn một trăm tám mươi chín đồng*); tiền lãi trong hạn 12.231.281 đồng (*Mười hai triệu hai trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi một đồng*); tiền lãi quá hạn 83.653,808 đồng (*Tám mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn tám trăm lẻ tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2020) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đình T phải nộp 24.707.000đ (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*) tiền án phí DSST. Trả lại cho ông Phan Hữu Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.340.000đ (*Mười hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002010 ngày 29/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(*đã ký*)

**Nguyễn Thế Hạnh**

